

## **Chương V. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU**

### **I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu**

#### **1. Giới thiệu chung về dự án**

##### a) Dự án:

- Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo Rạp chiếu phim Lê Độ giai đoạn 2
- Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng.
- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Đà Nẵng
- Quyết định đầu tư: Số 3432/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo Rạp chiếu phim Lê Độ giai đoạn 2.
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Số 218/QĐ-SVHTTDL ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nâng cấp, cải tạo Rạp chiếu phim Lê Độ giai đoạn 2.

##### b) Địa điểm:

- Vị trí: 46 Trần Phú, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

##### c) Quy mô:

- Loại công trình : Công trình dân dụng cấp III

#### **2. Giới thiệu chung về gói thầu**

##### 2.1. Phạm vi công việc của gói thầu:

##### a) Cải tạo chung

- Tạo lối thoát nạn tại tầng 1 ở gần sảnh.
- Vệ sinh và sơn lại khối nhà.
- Sửa chữa mặt đứng.
- Cải tạo phòng vệ sinh: Thay mới vòi rửa lavabo và quạt hút mùi trong phòng vệ sinh.
- Thay mới đèn âm trần tại khu sảnh.
- Sơn giảm âm mái tôn.

##### b) Cải tạo phòng chiếu phim 01

- Mở rộng và thay mới cửa thành cửa chống cháy.
- Bổ sung thêm 01 lối thoát nạn tại mặt bên.

##### c) Cải tạo phòng chiếu phim 02

- Mở rộng và thay mới 02 cửa phòng chiếu phim thành cửa chống cháy.
- Tạo cửa thoát nạn tại mặt bên.
- Cải tạo lại sàn phòng chiếu: Vệ sinh và tráng lớp vữa xi măng, trải thảm lát nền chống cháy.
- Lắp vách gỗ tường tiêu âm và trần thạch cao tiêu âm.
- Vệ sinh, sơn lại phòng và tường ngoài.

- Lắp mới điều hòa.
- Ghế ngồi, thiết bị phòng chiếu.

d) Phần mái

- Bỏ sung thang inox lên mái.
- Vệ sinh và chống thấm lại sê nô mặt bên.
- Tè tôn quanh viền mái.

đ) Cải tạo hệ thống điện tại phòng chiếu số 2

Làm mới điện chiếu sáng và hệ thống đường dây điện cho phòng chiếu số 2.

e) Cải tạo hệ thống PCCC

- Đầu tư bổ sung PCCC cho phòng chiếu số 2.
- Thay mới cửa thành cửa chống cháy tại các phòng máy chiếu số 1, số 2.

2.2. Thời hạn hoàn thành: Năm 2026

**II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

1. Yêu cầu về tiến độ chung của dự án: 90 ngày

2. Yêu cầu tiến độ của gói thầu và các mốc tiến độ: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật**

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

Nhà thầu cập nhật các quy trình, quy phạm dưới đây áp dụng cho việc thi công và nghiệm thu công trình nhằm đảm bảo chất lượng. Nhà thầu có thể thêm các quy trình, quy phạm hiện hành (còn hiệu lực) để áp dụng cho phù hợp với gói thầu này.

1.1. Yêu cầu về vật liệu xây dựng theo tiêu chuẩn Việt Nam

Stt	Vật liệu	Tiêu chuẩn
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
2	Xi măng	
-	Xi măng Poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
-	Xi măng Poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
-	Xi măng poóc lăng trắng	TCVN 5691-2000
-	Xi măng xây trát	TCVN 9202:2012
3	Cốt liệu và nước trộn cho bê tông và vữa	
-	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
-	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Các phương pháp thử	TCVN 7572:2006
-	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
-	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
4	Bê tông.	

-	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
-	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	TCVN 9340:2012
-	Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826:2011
5	Cốt thép cho bê tông.	
-	Thép cốt bê tông - Thép thanh tròn trơn	TCVN 1651:1-2008
-	Thép cốt bê tông - Phần 2: Thép thanh vằn	TCVN 1651:2-2008
-	Thép cốt bê tông - Phần 3: Lưới thép hàn	TCVN 1651:3-2008
-	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu	TCVN 9391:2012

### 1.2. Yêu cầu về quy trình thí nghiệm

Stt	Vật liệu	Tiêu chuẩn
1	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572:2006
2	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012
3	Bê tông và vữa xây dựng - Phương pháp xác định PH	TCVN 9339:2012
4	Các tiêu chuẩn chuyên ngành hiện hành	

### 1.3. Yêu cầu quy trình, quy phạm thi công và nghiệm thu:

Stt	Tên tiêu chuẩn	Số hiệu tiêu chuẩn
1	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công	TCVN 4252:2012
2	Công trình xây dựng - Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
3	Sử dụng máy xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 4087:2012
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
6	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
7	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
8	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
9	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
10	Quy chuẩn quốc gia về thép làm cốt bê tông	QCVN 7: 2019/BKHCN
11	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng dập ép ống - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9390:2012
12	Thép cốt bê tông - Hàn hồ quang	TCVN 9392:2012
13	Thép thanh cốt bê tông - Thử uốn và thử uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
14	Tiêu chuẩn lấy mẫu thép và mẫu thử cơ tính các sản phẩm thép hình, thép thanh, thép tròn, thép tấm và thép ống	TCVN 4398: 2001
15	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Điều kiện tối thiểu để thi công và nghiệm thu	TCVN 5724:1993
16	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
17	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
18	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012

19	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
20	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
21	Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 4085:2011
22	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2022
23	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa trong xây dựng	TCVN 4459:1987
24	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu	TCVN 9391:2012
25	Thép cacbon cán nóng dùng cho dầm cho xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709:2009
26	Dung sai trong xây dựng công trình - Phần 1: Nguyên tắc cơ bản để đánh giá và yêu cầu kỹ thuật	TCVN 9259-1:2012
27	Dung sai trong xây dựng công trình - Phần 8: Giám định về kích thước và kiểm tra công tác thi công	TCVN 9259-2:2012
28	Dung sai trong xây dựng công trình tác thi công	TCVN 9259-8:2012
29	Xây dựng công trình - Dung sai - Cách thể hiện độ chính xác kích thước	TCVN 9261:2012
30	Dung sai trong xây dựng công trình - Phương pháp đo kiểm công trình và cấu kiện chế sẵn của công trình	TCVN 9262-1:2012
31	Dung sai trong xây dựng công trình - Phương pháp đo kiểm công trình và cấu kiện chế sẵn của công trình. Vị trí các điểm đo	TCVN 9262-2:2012
32	Kết cấu thép - Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu	TCVN 10307:2014
33	Hoàn thiện mặt bằng xây dựng - Quy phạm thi công và nghiệm thu.	TCVN 4516:1988
34	Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu	TCVN 5674:1992
35	Hệ thống cấp thoát nước - Quy phạm quản lý kỹ thuật	TCVN 5576:1991
36	Bộ TCVN 7305, Hệ thống ống nhựa - Ống polyetylen (PE) và phụ tùng dùng để cấp nước, gồm các phần sau: - Phần 1: Qui định chung; - Phần 2: Ống; - Phần 3: Phụ tùng; - Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống.	TCVN 7305-1:2008 (ISO 4427-1:2007) TCVN 7305-2:2008 (ISO 4427-2:2007) TCVN 7305-3:2008 (ISO 4427-3:2007) TCVN 7305-5:2008 (ISO 4427-5:2007)
37	Bộ TCVN 8491:2011, Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất - Poly(vinyl) clorua không hóa dẻo (PVC-U), gồm các phần sau: - Phần 1: quy định chung - Phần 2: Ống; - Phần 3: Phụ tùng; - Phần 4: Van; - Phần 5: Sự phù hợp với mục đích của hệ thống.	TCVN 8491-1:2011 TCVN 8491-2:2011 TCVN 8491-3:2011 TCVN 8491-4:2011 TCVN 8491-5:2011

38	Ống polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng để cấp nước - Hướng dẫn thực hành lắp đặt	TCVN 6250:1997
39	Ống thép cho đường nước và đường nước thải	TCVN 11221:2015 ISO 559:1991
40	Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6379:1998
41	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện phòng cháy và chữa cháy	QCVN 03:2023/BCA
42	Máy xây dựng - Máy làm đất	TCVN 4473:2012
43	Công việc hàn điện - Yêu cầu chung về an toàn	TCVN 3146:1986
44	Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động- Các khái niệm cơ bản- Thuật ngữ và định nghĩa	TCVN 3153:1979
45	Giàn giáo - Yêu cầu an toàn	TCVN 13662:2023
46	Các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất	TCVN 2288:1978
47	Phòng cháy. Dấu hiệu an toàn	TCVN 4879:1989
48	An toàn cháy - Yêu cầu chung	TCVN 3254:1989
49	An toàn nổ - Yêu cầu chung	TCVN 3255:1986
50	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng	TCVN 5308:1991
51	Làm việc có điện. Găng tay bằng vật liệu cách điện	TCVN 8084:2009
52	Dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ. An toàn	TCVN 7996- 1:2009
53	Dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ - An toàn - Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với máy khoan và máy khoan có cơ cấu đập	TCVN 7996-2- 1:2009
54	Dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ - An toàn - Phần 2-5: Yêu cầu cụ thể đối với máy cưa đĩa	TCVN 7996-2- 5:2009
55	Dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ. An toàn. Phần 2-12: Yêu cầu cụ thể đối với máy đầm rung bê tông	TCVN 7996-2-12: 2009
56	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01: 2020/BCT
57	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
58	Ký hiệu đồ họa – màu sắc an toàn và biển báo an toàn – biển báo an toàn sử dụng ở nơi làm việc và nơi công cộng	TCVN 8092:2009
59	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc	QCVN 02 : 2019/BYT
60	Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc	QCVN 24:2016/BYT
61	Luật tài nguyên nước	25/2023/QH15
62	Luật bảo vệ môi trường	72/2020/QH14
63	Luật giá	16/2023/QH15
64	Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa	05/20227/QH12
65	Luật cạnh tranh	23/2018/QH14
66	Luật thương mại	36/2005/QH11
67	Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	59/2010/QH12 (hoặc 19/2023/QH15 nếu áp dụng từ ngày 01/7/2024)

68	Thiết bị vệ sinh - Chậu rửa - Yêu cầu tính năng và phương pháp thử	TCVN 12648:2020 về
69	Bồn tiểu nam - Treo tường - Yêu cầu chức năng và phương pháp thử	TCVN 12651:2020 về
70	Bồn tiểu nữ - Yêu cầu chức năng và phương pháp thử	TCVN 12652:2020 về
71	Sản phẩm sứ vệ sinh - Yêu cầu kỹ thuật về chất lượng của thiết bị sứ vệ sinh	TCVN 12650:2020
72	Cáp và dây dẫn điện - Phương pháp thử cách điện và vỏ bọc (Hợp chất dẻo và nhựa chịu nhiệt)	TCVN 5936:1995 (IEC 540 : 1982) về
73	<a href="#">Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Công tác lát và láng trong xây dựng</a>	<a href="#">TCVN 9377-1:2012</a>
74	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu - Phần 2: Công tác trát trong xây dựng	TCVN 9377-2:2012
75	<a href="#">Gạch bê tông</a>	TCVN 6477:2016
76	<a href="#">Gạch gốm ốp, lát - Phương pháp thử - Phần 18: Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs</a>	TCVN 6415-18:2016 (EN 101:1991) về
77	<a href="#">Gạch gốm ốp, lát - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định kích thước và chất lượng bề mặt</a>	TCVN 6415-2:2016 (ISO 10545-2:1995)

Ngoài các tiêu chuẩn trên, chủ đầu tư sẽ áp dụng một số tiêu chuẩn khác, quy định hiện hành có liên quan để phục vụ công tác nghiệm thu nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình.

## **2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:**

### **2.1. Yêu cầu về tổ chức và kỹ thuật thi công**

- Cán nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận do các cơ sở đào tạo hợp pháp cấp. Ngành nghề đào tạo phù hợp đối với yêu cầu của nhân sự chủ chốt là ngành nghề đào tạo với Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo, nơi cấp văn bằng phù hợp yêu cầu của vị trí công việc đảm nhận, nội dung công việc đảm nhận, riêng đối với vị trí chỉ huy trưởng phải phù hợp với loại công trình mà nhân sự đảm nhận.

- Chất lượng sản phẩm hàng hóa là mức độ các đặc tính của sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Sản phẩm hàng hóa đề xuất phải đảm bảo tính hợp lệ của nhà cung cấp và của sản phẩm, hàng hóa. Đảm bảo các điều kiện quản lý, lưu hành trên thị trường theo quy định của pháp luật về Thương mại, nhãn mác, chất lượng sản phẩm hàng hóa, Hải quan và các luật khác liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

+ Tài liệu kèm theo sản phẩm hàng hóa bao gồm kết quả đánh giá sự phù hợp, tài liệu quảng cáo, giới thiệu tính năng, công dụng, đặc tính và hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hóa.

+ Vật liệu, cấu kiện sử dụng vào công trình xây dựng phải theo đúng thiết kế xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) đã được phê duyệt, bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Vẽ minh họa là việc làm rõ thêm nội dung thuyết minh đã đề xuất, được trình bày, thể hiện bằng hình vẽ trong đó có câu chữ dễ thấy, dễ hiểu, thông qua đó giúp người đọc/nhìn có được sự hình dung và cái nhìn cụ thể, rõ ràng và chân thực về nội dung thuyết minh đã đề xuất.

+ Yêu cầu chung nội dung đề xuất kỹ thuật (thuyết minh, bản vẽ minh họa biện pháp kỹ thuật, môi trường, an toàn lao động và Phòng cháy chữa cháy): Các nội dung này phải bám sát điều kiện thi công thực tế công trình (điều kiện về mặt bằng; hình khối kiến trúc; hiện trạng của công trình, hệ thống HTKT, giao thông) và phù hợp với tiến độ thi công, nguồn lực mà nhà thầu đề xuất huy động cho công trình.

- Tiêu chí đánh giá đáp ứng yêu cầu đối với mỗi loại vật tư, thiết bị :

+ Vật tư, thiết bị chào thầu tương ứng các danh mục vật tư, thiết bị theo yêu cầu tại Chương V E-HSMT được kê khai đầy đủ thông tin theo Biểu 1 Chương V E-HSMT. Các thông tin kê khai về thông số kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương V E-HSMT, Hồ sơ thiết kế kèm theo và quy định hiện hành của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.

+ Có Giấy cam kết cung cấp hoặc giao kết dân sự của nhà cung ứng sản phẩm. Nội dung cam kết hoặc giao kết phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và tiến độ thi công theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà cung ứng đảm bảo điều kiện kinh doanh theo quy định hiện hành.

+ Vật tư, thiết bị vào công trình đảm bảo chất lượng hàng hóa trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường và lưu thông trên thị trường

+ Chất lượng vật tư thiết bị chào thầu: Mới 100% và đảm bảo về an toàn, tiêu chuẩn vật liệu theo quy định Việt Nam (có văn bản cam kết của nhà thầu) và tính năng thông số của vật tư, thiết bị chào thầu nêu trong bảng tuyên bố đáp ứng phải đảm bảo tối thiểu bằng hoặc vượt trội về tính năng, thông số kỹ thuật của vật tư, thiết bị nêu tại chương V của E-HSMT.

- Yêu cầu đối với Tổng mặt bằng thi công:

+ Tạo môi trường làm việc thuận lợi, có năng suất cao; Ra vào công trình không phức tạp, đi lại thuận lợi trên mặt bằng, không bị lỗi cuốn bởi tác động bên ngoài, vị trí tác nghiệp hợp lý.

+ Thiết lập được các điều kiện cho cơ giới hóa công tác.

+ Bố trí khu vực tác nghiệp thuận lợi, có tính chất liên hoàn theo chức năng.

+ Tạo dựng điều kiện tốt cho công tác quản lý vật tư.

+ Đảm bảo cung ứng đủ, hiệu quả nhu cầu về điện, nước cho công trình: Các nguồn cung cấp đủ công suất, điện ổn định, nước có chất lượng sạch.

+ Tiết kiệm đối với công trình tạm thời: Diện tích xây dựng ít, dung loại công trình tạm hợp lý, chi phí thấp nhất.

+ Đáp ứng yêu cầu về an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Yêu cầu đối với Thuyết minh tổ chức thiết bị thi công, lán trại – nhà tạm, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, cấp điện, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công:

Thuyết minh có sự logic, phản ánh đầy đủ các tham số công nghệ, tổ chức, không gian và thời gian phù hợp với địa điểm gói thầu kèm chỉ dẫn kỹ thuật cần thiết. Đối với các nội dung lán trại – nhà tạm; kho bãi tập kết vật liệu, chất thải; cấp nước và cấp điện yêu cầu cụ thể như sau:

+ Lán trại – nhà tạm, kho bãi tập kết vật liệu xác định cụ thể các kích thước công trình tạm phù hợp. Có thuyết minh tổ chức công tác kho bãi, vị trí đặt, hình thức và bảng tính kèm theo.

+ Cấp nước, cấp điện: Thể hiện nguồn cấp, vị trí đặt nguồn, sơ đồ mạng và biện pháp bảo vệ hệ thống. Có bảng tính kèm theo.

- Yêu cầu đối với Bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công tổng thể:

+ Thể hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của HSMT. Ký hiệu sử dụng trong bản vẽ tuân thủ theo Tiêu chuẩn TCVN 4607:2012

+ Đối với các công trình tạm, cấp điện, cấp nước phải bố trí chi tiết với đầy đủ kích thước và chỉ dẫn kỹ thuật cần thiết.

- Những giải pháp đề ra trong tổ chức xây dựng và thiết kế biện pháp kỹ thuật phải hợp lý. Tiêu chuẩn đánh giá giải pháp hợp lý là bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Do vậy, yêu cầu cần đối với Công nghệ áp dụng cho các công việc chính gồm phải thể hiện đầy đủ các nội dung như sau:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn áp dụng: Mọi biện pháp kỹ thuật phải tiến hành theo các quy định hiện hành về quản lý chất lượng, quy trình, quy chuẩn, định mức và văn bản pháp luật hiện hành khác. Các tiêu chuẩn nhà thầu áp dụng phải đảm bảo yêu cầu phù hợp với yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định pháp luật có liên quan và đảm bảo tính đồng bộ, khả thi của hệ thống tiêu chuẩn được áp dụng.

+ Thuyết minh biện pháp kỹ thuật cho công việc chính : Thuyết minh làm rõ sự đúng đắn của giải pháp kỹ thuật đã lựa chọn. Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản. Nội dung biện pháp kỹ thuật gồm chỉ dẫn về những điểm như sau:

++ Sơ đồ hoặc Trình tự, nội dung các công việc thực hiện của biện pháp kỹ thuật đề xuất.

++ Điều kiện bắt đầu thi công: Chỉ rõ khi nào có thể bắt đầu triển khai thi công.

++ Khâu chuẩn bị: Chỉ dẫn về các công việc chuẩn bị mặt bằng, tập kết vật liệu và bán thành phẩm và tính toán các dụng cụ thi công.

++ Tác nghiệp xây lắp chính: Kỹ thuật thực hiện các thao tác của Biện pháp kỹ thuật. Yêu cầu kỹ thuật cho các thao tác của biện pháp kỹ thuật đề xuất.

++ Các chỉ tiêu chính để kiểm tra chất lượng biện pháp kỹ thuật.

++ Xác định vùng nguy hiểm, biện pháp đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong công tác thi công. Dự kiến các công việc có thể gây nguy hiểm về cháy nổ để đề ra biện pháp phòng chống cháy nổ cần thiết và những yêu cầu về bảo quản vật liệu cháy nổ khi thi công gần nơi để các vật liệu này.

++ Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của biện pháp lựa chọn như: thời gian thi công, huy động nhân lực và chọn các thiết bị chính.

+ Bản vẽ thể hiện biện pháp kỹ thuật thi công:

++ Vẽ đầy đủ mặt cắt các chi tiết cần thiết của cấu kiện, bộ phận công trình phục vụ kiểm tra và đánh giá chất lượng. Chỉ rõ vị trí cho phép có dung sai và trị số sai số giới hạn theo quy định tiêu chuẩn xây dựng hiện hành. Các kiểm tra, thời điểm kiểm tra và phương tiện dùng để kiểm tra (đặc biệt là với các công việc bị che khuất).

++ Vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình là giới hạn khu vực trong và xung quanh công trường xây dựng có thể xuất hiện những yếu tố nguy hiểm gây thiệt hại cho con người, công trình xây dựng, tài sản, thiết bị, phương tiện do quá trình thi công xây dựng công trình gây ra, được xác định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công xây dựng công trình.

- Tiêu chí đánh giá tính đáp ứng của Công nghệ áp dụng cho các công việc chính:

+ Tính hợp lý: Có tính logic với các nội dung đề xuất; phù hợp với điều kiện về kinh tế, kỹ thuật tại địa điểm thực hiện gói thầu và năng lực nhà thầu; Đảm bảo chất lượng cao nhất; Tạo điều kiện cho việc thi công dễ dàng, an toàn nhất.; Đảm bảo khả thi về công nghệ cũng như sự phù hợp với năng lực nhà thầu; Đảm bảo an toàn lao động.

+ Tính khả thi: Giảm giá thành thấp nhất; Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đơn vị xây lắp; Đưa công trình vào khai thác đúng kế hoạch.

- Tiến độ thi công công trình: Đối với tiến độ thi công: thời gian tiến độ lấy theo đơn vị là 01 ngày, các công việc không ghi tóm lược chung cho hạng mục mà phải chi tiết theo nội dung công

việc, trong đó có các công việc gantt theo nội dung công việc của gói thầu, đảm bảo đủ cơ sở để đánh giá tính đúng trình tự công việc, tiến độ công việc chung của hạng mục theo phân đoạn thi công và của cả dự án. Bên cạnh đó, thể hiện đầy đủ việc huy động nguồn lực chính (nhân lực, vật lực và thiết bị) thực hiện công tác tương ứng.

+ Phương pháp lập tiến độ: Sơ đồ ngang, sơ đồ xiên phù hợp với phương pháp tổ chức thi công (Song song, tuần tự hoặc dây chuyền).

+ Cấu trúc mô hình tiến độ:

++ Danh mục công việc: Phải thỏa mãn yêu cầu có sự phân chia quá trình thi công thành nhiều quá trình nhỏ hơn, có tính chất chuyên môn hóa cao; Có thứ tự thực hiện công việc phù hợp với quy trình kỹ thuật – công nghệ; Có đơn vị khối lượng tương ứng với đơn vị định mức kỹ thuật lao động. Có thể phân chia toàn bộ quá trình thi công thành những tổ hợp công nghệ phù hợp với đặc điểm công nghệ và giai đoạn thi công (ví dụ như Tổ hợp công tác chuẩn bị trong và ngoài công trình; tổ hợp công tác vận chuyển; tổ hợp công tác xây lắp chính; tổ hợp lắp đặt thiết bị công nghệ sản xuất cho dự án và tổ hợp gia công tại chỗ cấu kiện), những tổ hợp này sẽ do các tổ chuyên môn hóa sâu hơn thực hiện và xuyên suốt công trình. Nội dung công việc thể hiện quá trình xây lắp chính; xây dựng nhà tạm – phụ trợ và lắp đặt các hệ thống phục vụ thi công.

++ Phần thời gian: Đánh số tuần tự theo số ngày của Tiến độ nhà thầu đề xuất. Đơn vị là 01 ngày.

++ Phần đồ thị Gantt: Là các đoạn thẳng liên tục hay gấp khúc qua mỗi đoạn công tác để thể hiện tính không gian. Trên đường thể hiện công việc, có thể đưa ra những thông số về nhân lực, vật liệu, máy, số ca công tác...

++ Tổng hợp nhu cầu về vật tư và nhân lực.

+ Thuyết minh tiến độ gồm các nội dung như sau:

++ Có bảng tính khối lượng công tác tương ứng danh mục công việc thực hiện ở Biểu tiến độ. Thuyết minh sơ đồ tổ chức công nghệ (Sơ đồ ngang, sơ đồ thẳng đứng hoặc sơ đồ kết hợp) phù hợp với Biểu tiến độ và các nội dung đề xuất khác. Thuyết minh phương công nghệ, chọn thiết bị cho công tác tương ứng danh mục công việc thực hiện ở Biểu tiến độ. Có bảng tính thời gian thi công phù hợp với Biểu tiến độ và các nội dung đề xuất khác. Thuyết minh tính toán vật tư sử dụng hàng ngày và xác định mức dự trữ vật tư theo thời gian phù hợp danh mục công việc thực hiện ở Biểu tiến độ và các nội dung đề xuất khác.

++ Quy định về trình tự công nghệ: Có mối liên hệ kỹ thuật của các bộ phận kết cấu với nhau, các công việc tiến hành theo thứ tự phù hợp với sơ đồ chịu lực. Đảm bảo tính ổn định cho kết cấu công trình, các công việc được thi công sao cho toàn công trình là bất biến hình ở mọi thời điểm. Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong các quá trình thi công. Đặc điểm và tính chất vật liệu, chi tiết bán thành phẩm cũng liên quan đến trình tự thi công do cần khoảng không gian di chuyển, thực hiện công việc. Điều kiện khí hậu thời tiết cũng ảnh hưởng đến trình tự thi công. Đảm bảo chất lượng thi công chung, thực hiện công việc sau không ảnh hưởng đến chất lượng công việc trước. Trình tự công nghệ phục vụ thuận tiên cho việc thi công, sử dụng tối đa phương án thi công cơ giới. Nhu cầu sử dụng kết quả của công việc trước để thực hiện công việc sau nhằm giảm chi phí sản xuất. Tận dụng mặt bằng công tác tối đa để thực hiện công việc song song, kết hợp nhằm giảm thời gian thực hiện nhóm công việc và cả công trình. Đảm bảo công việc liên tục cho các tổ thợ và tổ máy.

+ Đánh giá tiến độ thi công:

++ Thời hạn thi công không vượt quá thời hạn yêu cầu của Hồ sơ mời thầu.

++ Tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lý của tiến độ là đúng trình tự, phù hợp với giải pháp công nghệ sử dụng, đáp ứng mục tiêu sử dụng công trình cũng như về mặt quản lý vốn.

++ Các hệ số Điều hòa nhân lực, hệ số phân bổ lao động, hệ số ca làm việc, mức cơ giới hóa công tác, mức độ trang bị cơ giới cho lao động, hệ số ổn định dây chuyền, hệ số điều hòa chi phí tài

nguyên và hệ số năng suất dây chuyền đáp ứng theo quy định. Đối với Các hệ số Điều hòa nhân lực, hệ số phân bổ lao động, cụ thể như sau: Lượng nhân lực cần huy động để thực hiện các công tác tương ứng trong bảng tiến độ đáp ứng yêu cầu hệ số biến động nhân lực theo lượng lao động ( $k_1 = Adôi/A < 0,2$ ) và hệ số phân bổ lao động ( $k_2 = Pmax/Ptb < 1,2$ )

Trong đó:

- Adôi: Lượng lao động sử dụng trên mức trung bình;
- A: Lượng lao động cần thiết để thực hiện gói thầu (quy định  $A = 100$ );
- Pmax: Nhân lực tại thời điểm cao nhất;
- Ptb: Nhân lực trung bình trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.
- Biện pháp phòng ngừa chống vi khí hậu xấu, giảm bụi, tiếng ồn và rung động; phòng cháy, chữa cháy; an toàn lao động và vệ sinh môi trường
- + Biện pháp giảm bụi, tiếng ồn và rung động: Thuyết minh nguyên nhân phát sinh phù hợp với công trình và đề xuất biện pháp phòng chống phù hợp
- + Phòng cháy chữa cháy:
- ++ Phương án phòng cháy. Thuyết minh biện pháp phòng ngừa cháy nổ và hạn chế đám cháy lan rộng.
- ++ Phương án bố trí các thiết bị chữa cháy. Nội dung này có thuyết minh Giải pháp chữa cháy cứu nạn và bản vẽ minh họa.
- ++ Phương án bố trí bể nước, dụng cụ chữa cháy. Nội dung này có thuyết minh các chất chống cháy và dụng cụ phương tiện chữa cháy và bản vẽ minh họa.
- + An toàn lao động và vệ sinh môi trường: Thuyết minh nguyên nhân phát sinh và bản vẽ minh họa phù hợp với hiện trạng công trình và đề xuất biện pháp phòng chống phù hợp.

## **2.2. Giám sát kỹ thuật:**

**2.2.1. Đối với nhà thầu:** Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện đầy đủ các Quy trình - Quy phạm kỹ thuật thi công gồm các nội dung sau:

- Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu HSMT, trong đó bộ phận giám sát kỹ thuật thi công trực tiếp và giám sát chất lượng bao gồm những người có đủ năng lực theo quy định (Chỉ huy trưởng công trình và Cán bộ kỹ thuật & chuyên môn) và phải có các bộ phận chuyên trách đảm bảo duy trì hoạt động giám sát một cách có hệ thống toàn bộ quá trình thi công Thi công xây dựng công trình từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành nghiệm thu và bàn giao toàn bộ công trình tuân thủ theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Báo cáo đầy đủ quy trình, phương án và kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, cấu kiện và sản phẩm xây dựng với Chủ đầu tư để kiểm tra và giám sát.
- Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình.
- Tổ chức nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công các công tác thi công Thi công xây dựng, giai đoạn xây lắp, chạy thử thiết bị, hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành.
- Chuẩn bị hồ sơ nghiệm thu theo quy định và đề nghị Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu sản phẩm các công tác thi công Thi công xây dựng, giai đoạn xây lắp, chạy thử thiết bị, hạng mục công trình hoàn thành và công trình hoàn thành sau khi đã nghiệm thu nội bộ.
- Báo cáo Chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng thi công Thi công xây dựng.

- Về trách nhiệm giám sát chất lượng: Nhà thầu phải tổ chức và thực hiện có hiệu quả việc tự kiểm tra chất lượng thi công theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư có quyền kiểm tra chất lượng việc tự kiểm tra chất lượng thi công của nhà thầu. Nếu việc tự kiểm tra chất lượng thi công của nhà thầu không đạt yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu khắc phục, kể cả thay đổi nhân sự.

- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc bảo đảm an toàn lao động, trật tự, an ninh và bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh công nghiệp, mỹ quan công trình trong suốt cả quá trình thi công.

**2.2.2. Đối với Chủ đầu tư:** Để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, Chủ đầu tư sẽ phân công Giám sát kỹ thuật công trình có trách nhiệm giám sát kỹ thuật và kiểm tra tiến độ, chất lượng công trình do nhà thầu trúng thầu để thi công, buộc nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu đã nêu trong hợp đồng. Chủ đầu tư cũng phải thực hiện các Quy trình - Quy phạm kỹ thuật thi công gồm các nội dung sau:

- Giai đoạn chuẩn bị thi công: Kiểm tra tất cả các công việc trong giai đoạn này. Nội dung chủ yếu là công tác chuẩn bị mặt bằng thi công, chuẩn bị vật liệu, thiết bị phục vụ thi công và công tác tự kiểm tra của nhà thầu.

- Giai đoạn thực hiện thi công Thi công xây dựng: Kiểm tra tất cả các công việc trong giai đoạn này. Nội dung kiểm tra chủ yếu là sự tuân thủ so với HSDT, các yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thực hiện các công tác kỹ thuật.

- Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật do Chủ đầu tư và nhà thầu bố trí để giám sát kỹ thuật thi công phải được thông báo cho nhau biết bằng văn bản, có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

### 2.3. Yêu cầu về tổ chức và kỹ thuật thi công khác:

- Nhân sự chủ chốt phải có chứng nhận huấn luyện an toàn lao động phù hợp với vị trí đảm nhận.

## 3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử)

### 3.1. Yêu cầu về vật liệu xây dựng theo tiêu chuẩn Việt Nam

STT	Vật liệu	Tiêu chuẩn
<b>1</b>	<b>Xi măng</b>	
	Xi măng Poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
	Xi măng Poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
<b>2</b>	<b>Cốt liệu và nước trộn cho bê tông và vữa</b>	
	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN XD 7570:2006
	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Các phương pháp thử	TCVN 7572-1:2006 đến TCVN 7572-20:2006
	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCXDVN 4506:2012
<b>3</b>	<b>Bê tông</b>	
-	Hỗn hợp bê tông nặng – Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
-	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn – yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	TCVN 9340:2012
-	Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826:2011
<b>4</b>	<b>Cốt thép cho bê tông</b>	
-	Thép cốt bê tông – Thép thanh tròn trơn	TCVN 1651-1:2008
-	Thép cốt bê tông – Phần 2: Thép thanh vằn	TCVN 1651-2:2008
-	Thép cốt bê tông – Phần 3: Lưới thép hàn	TCVN 1651-3:2008
-	Thép hình cán nóng	TCVN 7571-16:2017

<b>5</b>	<b>Giàn giáo</b>	
	Dàn giáo - các yêu cầu về an toàn	TCVN 13662:2023
<b>6</b>	<b>Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</b>	
	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD

### 3.2. Yêu cầu vật tư thi công.

Trong hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ, thương hiệu, quy cách, tính năng kỹ thuật của các loại vật tư, thiết bị sẽ đưa vào sử dụng thi công công trình, theo Biểu 1 dưới đây. *Riêng toàn bộ các loại vật tư chính Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ những tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, thương hiệu, quy cách, tính năng kỹ thuật...*

Khi chào nhà thầu lưu ý, đối với một loại vật tư, vật liệu, thiết bị cụ thể chỉ chào cho một thương hiệu duy nhất (Ví dụ: Xi măng PC30 Hoàng Thạch), không được chào từ hai thương hiệu trở lên (Ví dụ: Xi măng PC30 Hoàng Thạch hoặc Hải Vân). Đối với hàng hóa không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 43/2017/NĐ-CP, nhà thầu không điền thông tin mục (3) trong biểu 1.

**Biểu 1**

STT	Tên vật liệu, vật tư, sản phẩm, thiết bị	Nhãn hiệu	Mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Nhà cung ứng	Năm sản xuất	Tính năng kỹ thuật cơ bản
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Trước khi đưa vật tư, vật liệu vào sử dụng phải được kiểm tra chất lượng theo quy định hiện hành.

- Các loại vật tư, thiết bị có số lượng và giá trị lớn trước khi lắp đặt hay đưa vào sử dụng phải trình mẫu cho Chủ đầu tư và giám sát xem, nếu đạt mới cho đơn vị thi công triển khai thi công hàng loạt (mẫu được lưu suốt trong quá trình thi công để làm cơ sở giám sát).

- Bên mời thầu (Chủ đầu tư) chấp thuận các thông số, chủng loại, thương hiệu vật tư do bên thiết kế đề xuất tại các bản vẽ, thuyết minh và được cung cấp cho nhà thầu. Nếu có yêu cầu nào khác nhau giữa thiết kế và Chủ đầu tư (bên mời thầu) thì lấy ý kiến của Chủ đầu tư (Bên mời thầu). Các loại vật tư phụ (ngoài vật tư chính và vật tư thứ yếu) đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn Việt nam tương ứng hoặc tiêu chuẩn cơ sở ... Một số vật tư chưa đăng ký tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn cơ sở chỉ được đưa vào sử dụng khi có ý kiến thống nhất của Chủ đầu tư và tư vấn giám sát.

#### **Danh mục vật tư chính sử dụng cho gói thầu**

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
1.	Xi măng PCB	-TCVN	Sông Gianh (hoặc tương đương)
2.	Thép hình, thép tấm	-TCVN	Thái Nguyên (hoặc tương đương)
3.	Thép tròn các loại	-TCVN	Hòa Phát (hoặc tương đương).
4.	Cát xây, cát đúc	-TCVN	Địa phương
5.	Đá 1x2	-TCVN	Địa phương
6.	Bê tông thương phẩm	-TCVN	Hòa Cầm (hoặc tương đương).

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
7.	Gạch bê tông đặc 55x90x19mm	-TCVN	Phú Nam An (hoặc tương đương)
8.	Đá Granite tự nhiên	-TCVN	Bình Định (hoặc tương đương)
9.	Gạch ốp, lát các loại	-TCVN	Taicera (hoặc tương đương)
10.	Sơn lót chống rỉ, sơn phủ chống nóng trên mái tôn	-TCVN	Kova (hoặc tương đương)
11.	Sơn lót nội, ngoại thất	-TCVN	Maxko (hoặc tương đương)
12.	Sơn phủ nội, ngoại thất	-TCVN	Maxko (hoặc tương đương)
13.	Cửa nhôm cửa sổ và cửa đi	-TCVN	Xingfa (hoặc tương đương)
14.	Cửa đi cửa thép chống cháy EI60	-TCVN	Nhật Việt Door (hoặc tương đương)
15.	Ống luồn dây nhựa	Theo yêu cầu thiết kế	Sino (hoặc tương đương)
16.	Dây cáp điện lõi đồng các loại	-TCVN	Cadivi (hoặc tương đương)
17.	Aptomat các loại	-TCVN	Panasonic (hoặc tương đương)
18.	Công tắc các loại	-TCVN	Panasonic (hoặc tương đương)
19.	Đèn Led các loại	-TCVN	Panasonic (hoặc tương đương)
20.	Thiết bị vệ sinh các loại	-TCVN	Inax (hoặc tương đương)
21.	ống PPR và phụ kiện	-TCVN	Bình Minh (hoặc tương đương)
22.	ống PVC và phụ kiện	-TCVN	Bình Minh (hoặc tương đương)
23.	Các vật tư khác	- Tuân thủ theo thiết kế - Phù hợp tiêu chuẩn xây dựng Việt nam.	Được sự đồng ý của chủ đầu tư trước khi sử dụng cho công trình
	<b>Hàng hóa và Thiết bị</b>		
24.	Ghế ngồi	- Chất liệu: Vải, thép sơn tĩnh điện - Kiểu dáng: Ghế có kiểu dáng hiện đại và đẹp, sang trọng dành cho các rạp chiếu phim - Đệm ngồi: Đệm ghế và tựa ghế là mút bọc vải, ốp composite - Tay ghế: Tay ghế được làm từ chất liệu thép phun tĩnh điện cao cấp chống gỉ sét, bền đẹp	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điện

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
		theo thời gian. Tay vịn của ghế kèm với kệ để cốc tiện lợi cho người sử dụng. - Chân ghế: Chân ghế là cố định bất xuống sàn.	
25.	Máy ĐHKK Sky Air loại âm trần cassette đa hướng thổi	- Loại máy điều hòa: 2 chiều - Công suất làm lạnh: 34.000 BTU - Công suất sưởi ấm: 11.2kW - Diện tích sử dụng: 55m <sup>2</sup> - Công nghệ Inverter: Có - Gas sử dụng: R32 - Lưu lượng gió dàn lạnh: Tối đa (34.5 m <sup>3</sup> /phút) - Độ ồn dàn nóng: Lạnh (48dB (A)), Sưởi (50 dB(A)) - Thông số kích thước/Lắp đặt - Kiểu lắp đặt: Âm trần - Kích thước dàn lạnh: 84cm x 84cm x 29.8cm (Dài x rộng x dày) hoặc tương đương - Kích thước dàn nóng: 94cm x 143cm x 32cm (Ngang x cao x sâu) hoặc tương đương - Nguồn điện áp: 380V/50Hz - Kích thước mặt nạ: 95cm x 95cm x 5cm (Dài x rộng x dày) hoặc tương đương	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điện
26.	Thảm lót sàn văn phòng kiểu sọc chống cháy	- Bảo hành: 3 năm - Vật liệu: Polyamide (nilon) - Kích thước (R x S): 25x100cm - Độ dày: 6mm	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điện
27.	Nhôm đục lỗ dày 3mm	Nhôm đục lỗ dày 3mm	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điện
28.	Gỗ tiêu âm	- Linear phủ Venee - Gỗ tiêu âm soi rãnh dày 18mm, kích thước 128x2440x12mm	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điện
29.	Bông thủy tinh	- Khối lượng: 18m <sup>2</sup> / cuộn - Kích thước cuộn 15x1,2x0,05, 24kg/m <sup>3</sup>	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điện
30.	Máy chiếu phim kỹ thuật số 2K Laser	- Độ sáng : Lên đến 9.000 DCI lumen - Thiết bị micromirror kỹ thuật số: 0.69" S2K 3-chip DMD DLP Cinema - Hiệu suất chiếu sáng (giờ): >50.000 giờ (nhiệt độ môi trường <25°C)	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điện

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ tương phản : 2000:1 full field on/off</li> <li>- Độ phân giải : 2K (2048 x 1080)</li> <li>- Công nghệ DLP Cinema® : 2048 x 1080 (2K)</li> <li>- Gam màu / số lượng màu : &gt;DCI-P3</li> <li>- Ngàem ống kính: Hệ thống ống kính thông minh hoàn toàn tự động (ILS™)</li> <li>- Tiêu thụ điện năng: Tối đa 938W</li> <li>- Xử lý điện tử : CineLife+™ 2K Series (Tương thích IMB Series-2)**</li> <li>- HDMI 2.0 x 2; 1G Ethernet x1; Giao diện người dùng từ xa; Công nghệ hội tụ màu điện tử (ECC)</li> </ul>	
31.	Màn hình chạm điều khiển máy chiếu (TP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10.1", màn hình LCD tỷ lệ 16:10</li> <li>- Độ sáng: Đèn nền LED. 350 nits</li> <li>- Độ phân giải: 1280x800/WXGA - 262K màu.</li> <li>-Độ tương phản: 800:1</li> <li>- Thời gian đáp ứng: 14ms/11ms (Typ.)(Tr/Td)</li> <li>- Góc nhìn (CR=10): 85(U), 85(D), 85(L),85®</li> <li>- Mật độ điểm ảnh: 0.1695 x 0.1695mm</li> </ul>	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
32.	Ống kính zoom phù hợp kích thước phòng chiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại ống kính: Ống kính góc rộng telecentric/ Thu phóng telephoto</li> <li>- Kích thước điểm ảnh DMD: Mật độ 7.56 x 7.56 micromet, 2048 x 1080 điểm ảnh</li> <li>- Khoảng cách chiếu: Tối thiểu 5m - tối đa 25m</li> </ul>	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
33.	Máy chủ media tích hợp IMB cho rạp chiếu phim kỹ thuật số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ phát DCP 2K/4K, SMPTE &amp; Interop</li> <li>- Phát âm thanh Dolby Digital 5.1 / 7.1, hỗ trợ Dolby Atmos</li> <li>- Ngõ ra audio digital AES/EBU</li> <li>- Lưu trữ RAID HDD hot-swap, hỗ trợ ingest nhanh</li> </ul>	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
		Quản lý & điều khiển qua giao diện web Tuân thủ tiêu chuẩn DCI	
34.	Bộ lưu điện	- Loại rack 2U - Công suất 2kVA / 1.8kW - Điện áp vào 110–300VAC, ra 220VAC ±1%, 0ms chuyển mạch - Bảo vệ : Quá tải, ngắn mạch, đảo pha	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
35.	Giá kê máy chiếu, Switch Gigabit, CB, Quạt giải nhiệt	- Giá kê máy chiếu bằng khung sắt (DxWxH: 1.500 × 1.000 × 900 mm) sơn tĩnh điện, có khay giá đỡ cho máy chiếu thi công phù hợp với phòng máy. *Phụ kiện : - Giá kê bằng khung sắt cho quạt giải nhiệt phù hợp bắt vào khung máy để giải nhiệt cho máy ( KT: 700×200×150 mm) - Giá kê bằng khung sắt cho CB điện cho máy chiếu (KT: 1000×1000×600 mm) - Giá kê bằng khung sắt cho Switch GIGABIT 16 cổng (KT: 350 × 250 × 100 mm) - Vật tư phụ để hoàn thiện buồng máy chiếu..	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
36.	Miếng hút gió cho máy chiếu	- Kích thước: 20 x 14 inch Thiết kế khuôn mặt: Có nan chóp - Màu lưới tản nhiệt: Trắng Vật liệu lưới: Thép sơn tĩnh điện	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
37.	Bộ cửa sổ cho máy chiếu	- Kích thước: 500 x 700 mm - Cửa sổ quan sát. KT: 400 x 600mm - Chất liệu: Khung nhôm, có kính chắn	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
38.	Màn chiếu phim	- Loại vải: PEARL SERIES cho độ tương phản và độ sáng cao hơn so với màn trắng tiêu chuẩn - Bề mặt đồng đều, tái tạo hình ảnh rõ ràng; vật liệu PVC/nhựa cao cấp -Gain: 1.4 -Kích thước lỗ : Ø ~1.1 mm	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
		-Kích thước: 10.060*4.200mm - Độ dày: 0.3mm	
39.	Khung màn ảnh	-Kích thước: 9.860 * 4.000mm - Vật liệu cho khung màn ảnh : Chất liệu bằng thép sơn tĩnh điện dày 3mm gia công theo thực tế tại công trình theo kích thước màn ảnh .	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
40.	Bộ xử lý âm thanh	- Kênh: 10-channel digital processor hỗ trợ 5.1 và 7.1 (tri/quad-amp) -Chuẩn âm thanh: Dolby Digital Plus và DTS-HD (HDMI I/O) - EQ: Master volume + graphic EQ 1/3 octave cho tất cả các kênh (trừ sub) - Kiểm soát: Ethernet (SNMP), RS-232, booth monitor + headphone - Cấu hình: HDMI I/O, USB B, AES/EBU, SPDIF, analog 8 kênh, DataPort cho amply, relay outputs... - Kích thước & điện áp: 2U rack (3.5" × 19" × 15"), 100–240 VAC	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
41.	Loa Front (Trái, Phải, Giữa)	-Thiết kế: 3-way passive hoặc bi-amp (2 x 15" LF, 6.5" mid, 1.4" HF horn) - Dải tần: –6 dB: 38 Hz – 20 kHz; –10 dB: 32 Hz – 20 kHz - Công suất: 500 W (continuous passive LF), rekomend amp tới 1000 W - Độ nhạy: 100 dB (LF), 102 dB (mid/high) @ 1 W/1 m - Trở kháng: 4 Ω (LF), 8 Ω (mid/HF) - Kích thước: LF box: 38.3"×30"×14.5", mid/HF: 17.3"×16.3"×6.8"; nặng 48.5 kg	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
42.	Loa Surround Side	- Thiết kế: 2-way với woofer 8" và compression HF horn titanium 1.4" - Dải tần: 52 Hz – 20 kHz (–10 dB)	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: Continuous 200 W; Recom. amp 200–400 W</li> <li>- SPL: Continuous 117 dB; Peak 123 dB @ rated power</li> <li>- Độ nhạy: 94 dB @ 2.83 V/1 m</li> <li>- Trở kháng: 8 Ω</li> <li>- Kích thước: 19.5"×14.3"×9.6", nặng 24.6 lb (11.1 kg)</li> </ul>	
43.	Loa Surround Rear	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thiết kế: 2-way với woofer 8" và compression HF horn titanium 1.4"</li> <li>- Dải tần: 52 Hz – 20 kHz (–10 dB)</li> <li>- Công suất: Continuous 200 W; Recom. amp 200–400 W</li> <li>-SPL: Continuous 117 dB; Peak 123 dB @ rated power</li> <li>-Độ nhạy: 94 dB @ 2.83 V/1 m</li> <li>-Trở kháng: 8 Ω</li> <li>-Kích thước: 19.5"×14.3"×9.6", nặng 24.6 lb (11.1 kg)</li> </ul>	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
44.	Loa siêu trầm	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Cấu hình: Dual 18", mỗi transducer 700 W</li> <li>-Dải tần: –6 dB: 22–100 Hz; –10 dB: 19–250 Hz</li> <li>-SPL: Continuous 130 dB; Peak 137 dB</li> <li>-Trở kháng: 4 Ω</li> <li>-Công suất đề nghị: 1200 W–1500 W continuous, max 2600 W</li> <li>-Độ nhạy: 101 dB @ 2 V/1 m</li> <li>-Kích thước: 48"×30"×24", nặng 95 kg</li> </ul>	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
45.	Amplý cho loa chính diện	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Số kênh: 2-channel digital cinema amp</li> <li>-Công suất: 350 W/ch @ 8 Ω; 600 W/ch @ 4 Ω; 800 W/ch @ 2 Ω</li> <li>-Công nghệ: PowerLight switching, Active Inrush Limiting, Output Averaging short-circuit protection</li> <li>-Giao diện: DataPort tương thích DPM/DCA, có monitor output</li> </ul>	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền

STT	Tên vật liệu	Quy cách-Mã hiệu tiêu chuẩn áp dụng	Chất lượng tương đương (Tương đương về đặc tính kỹ thuật)
46.	Amply cho loa surround	-Số kênh: 4-channel amp dùng cho nhiều loa surround -Công suất: 170 W/ch @ 8 Ω; 250 W/ch @ 4 Ω; 450 W/ch @ 2 Ω -Công nghệ: PowerLight switching, Active Inrush Limiting, Output Averaging short-circuit protection -Giao diện: DataPort tương thích DPM/DCA, có monitor output	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
47.	Amply cho loa siêu trầm	-Số kênh: 2-channel digital cinema amp, tối ưu sub/sub-woofer -Công suất: 550 W/ch @ 8 Ω; 900 W/ch @ 4 Ω; 1500 W/ch @ 2 Ω -Công nghệ: PowerLight switching, Active Inrush Limiting, Output Averaging short-circuit protection -Giao diện: DataPort tương thích DPM/DCA, có monitor output	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
48.	Giá treo loa Surround	-Chiều dài cánh tay: ~13" (~330 mm) -Độ chịu tải: tới khoảng 88 lbs (~40 kg) → phù hợp với nhiều loa lớn -Khung: Thép sơn tĩnh điện đen, chịu lực tốt.	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
49.	Tủ thiết bị âm thanh: 19", 36U, sâu 800 mm, có quạt tản nhiệt, có cửa sau.	-Tủ rack 36U chuẩn 19 inch -Kích thước 1750×800×800mm -Cửa lưới thoáng khí 2 quạt nóc - Thép dày 2.0mm	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
50.	Dây loa và phụ kiện lắp đặt (gói)	- Dây loa 2x4.0mm : 100m - Dây loa 2x2.5mm : 200m	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
51.	Máng điện 200x150mm + phụ kiện: 50m	- Dày 1.5mm - Thép sơn tĩnh điện	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
52.	Ống mềm + phụ kiện	- Khối lượng: 25m/cuộn	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền
53.	Ống cứng + phụ kiện	- Dày 1.75mm	- Mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ: Nhà thầu tự điền

**Ghi chú:**

- Chất lượng vật tư, thiết bị theo tiêu chuẩn hãng sản xuất. Chứng loại, quy cách, yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế.

- Các thương hiệu đáp ứng yêu cầu và được phép lưu hành trên thị trường. Hàng hóa đảm bảo tính hợp lệ lưu hành trên thị trường.

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

- Đối với gạch xây: gạch xây tường và các bộ phận khác của công trình sử dụng gạch rỗng hoặc gạch đặc tùy theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế tương ứng với từng loại kết cấu và đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn Việt Nam. Nhà thầu phải sử dụng gạch không nung theo quy định tại Thông tư 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng về quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng.

- Khái niệm “tương đương” nghĩa là hàng hóa, vật tư, thiết bị do nhà thầu sử dụng cho công trình phải tương đương về “đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ”...với các nhãn hiệu hàng hóa, vật tư, thiết bị được nêu trong E-HSMT này.

- Các vật liệu, vật tư, thiết bị không liệt kê trong bảng trên đây thực hiện theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế và thuyết minh thiết kế hoặc chỉ dẫn kỹ thuật.

- Trong E-HSMT của mình, nhà thầu phải xác định rõ và đầy đủ chủng loại, mã hiệu, nguồn gốc, xuất xứ, thương hiệu, nhãn hiệu, mã hiệu (model), hãng sản xuất (cơ sở sản xuất) của các vật liệu, vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình mà không được ghi “hoặc tương đương”.

#### **4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:**

Bên nhận thầu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kỹ thuật thích hợp để thi công, lắp đặt đúng thiết kế được duyệt, đảm bảo chất lượng, kỹ, mỹ thuật, an toàn lao động trong suốt quá trình thi công. Quy trình thi công và lắp đặt tuân thủ theo bản vẽ thiết kế bản vẽ thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt và các Quy chuẩn, TCVN, quy định do nhà nước ban hành.

#### **5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn:**

Bên nhận thầu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kỹ thuật thích hợp để đảm bảo vận hành thử nghiệm, an toàn trong suốt quá trình thi công theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- QCVN 01:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về an toàn điện

- QCXDVN 05:2008/BXD - Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- TCVN 5699:1998 - An toàn đối với thiết bị điện gia dụng và các thiết bị điện tương tự.

- TCVN 6385:1998 - Yêu cầu an toàn đối với các thiết bị điện tử và các thiết bị có liên quan, sử dụng điện mạng dùng trong gia đình và các nơi tương tự.

- TCVN 4756:1989 - Quy phạm nối đất và nối không thiết bị điện

- TCVN-2287-1978 - Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động. Quy định cơ bản;

- TCVN-2291-1978 - Phương tiện bảo vệ người lao động. Phân loại.

- TCXD 66-1991 - Vận hành và khai thác hệ thống cấp thoát nước. Yêu cầu an toàn.

Và các quy định hiện hành khác

#### **6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có):**

Bên nhận thầu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kỹ thuật thích hợp để đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trên công trường trong suốt quá trình thi công theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Tuân theo TCVN 3254-1989 An toàn cháy. Yêu cầu chung.

- Tuân theo TCVN 3255-1986 An toàn nổ. Yêu cầu chung.

Và các quy định hiện hành khác

## **7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:**

7.1. Các tiêu chuẩn thi công được sử dụng để đấu thầu và ký hợp đồng xây lắp bao hàm an toàn cho công nhân, môi trường và sức khoẻ.

7.2. Các hành động chính Nhà thầu cần thực hiện là lập kế hoạch và biện pháp quản lý các chất thải rắn và chất thải đất trong công trình bao gồm:

a) Các thủ tục về thao tác dỡ, thu hồi đối với các chất thải rắn do việc phá dỡ các công trình cũ phải được vận chuyển đến nơi quy định.

b) Chọn vị trí bãi thải và cách xử lý chất thải hợp lý.

c) Tại bãi thải Nhà thầu không được để lầy lội bùn nhùng và lấp một công trình nào gần đó, vị trí bãi thải được tính sao cho khi có mưa lớn hoặc lũ thì không ảnh hưởng đến đời sống nhân dân quanh vùng. Tuyệt đối Nhà thầu không được thải các chất dễ gây ô nhiễm môi trường.

d) Lập kế hoạch và biện pháp quản lý về giao thông nhằm đảm bảo cho việc thi công đạt chất lượng tốt và đảm bảo sự đi lại trong khu vực, đảm bảo an toàn cho mọi phương tiện giao thông, tránh nhiễm bẩn không khí do cát bụi làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân tại khu vực xây dựng công trình.

e) Có kế hoạch và biện pháp quản lý về thiết bị thi công và vật liệu, biện pháp đảm bảo an toàn cho thiết bị và công nhân, biện pháp chống cháy nổ, phòng lũ lụt trong thời gian thi công, biện pháp giữ gìn vệ sinh hiện trường thi công, xử lý an toàn nước thải, các khu vực vệ sinh, kế hoạch cung cấp nước uống có chất lượng tốt.

f) Nhà thầu phải có biện pháp xử lý kịp thời đến việc ô nhiễm nguồn nước do quá trình thi công gây ra, biện pháp này phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

g) Hoàn trả lại mặt bằng đối với những khu vực sử dụng làm mặt bằng công trường, san trả lại các bãi vật liệu sau khi lấy đất đảm bảo đời sống nhân dân và sự phát triển bình thường của các cây trồng, vật nuôi khu vực thi công.

h) Tháo dỡ lán trại, nhà kho và thu dọn vệ sinh mặt bằng trước khi bỏ hiện trường thi công.

## **8. Yêu cầu về an toàn lao động:**

Nhà thầu phải tuân thủ quy định về an toàn lao động TCVN 5308 - 1991 “Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng”. Ngoài ra còn phải tuân thủ theo yêu cầu kỹ thuật dưới đây:

8.1. Xung quanh khu vực công trường phải rào ngăn và bố trí trạm gác không cho người không có nhiệm vụ ra vào công trường. Đơn vị thi công phải trình Chủ đầu tư bản vẽ mặt bằng công trường trong đó thể hiện:

- Vị trí công trình chính và tạm thời.

- Vị trí các xưởng gia công, kho tàng nơi lắp ráp cấu kiện máy thiết bị phục vụ thi công.

- Khu vực sắp xếp nguyên liệu, phế liệu, kết cấu bê tông đúc sẵn.

- Các tuyến đường đi lại vận chuyển của các phương tiện cơ giới và thủ công.

- Hệ thống các công trình năng lượng, nước phục vụ thi công và sinh hoạt.

8.2. Những vùng nguy hiểm do vật có thể rơi từ trên cao xuống phải được rào chắn đặt biển báo hoặc làm mái che bảo vệ.

8.3. Trong khu vực xây dựng công trình, nếu có các đầu mối giao thông thủy, bộ đi qua thì Nhà thầu phải có sơ đồ chỉ dẫn rõ ràng từng tuyến đường cho các loại phương tiện lưu thông đúng quy định. Chi phí cho công tác này Nhà thầu phải tính toán đưa vào giá dự thầu.

8.4. Công tác xây lắp phải dùng các loại dàn giáo và giá đỡ theo thiết kế thi công do Nhà thầu lập. Khi thi công trên và dưới dàn giáo phải có lưới phòng hộ và các biện pháp bảo đảm an toàn.

8.5. Cấm sử dụng các gầu, ben chuyển vữa bê tông khi các nắp của chúng không đậy kín hoặc khi các bộ phận treo móc không đảm bảo.

### **9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:**

- Nhân lực và thiết bị phục vụ thi công phải đáp ứng đúng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, đáp ứng đúng tiến độ thi công, đảm bảo an toàn trong thi công và vận hành .

### **10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:**

- Nhà Thầu phải lập biện pháp thi công tổng thể và các hạng mục hợp lý, nhằm đảm bảo an toàn khi thi công, đảm bảo chất lượng công trình theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo bàn giao công trình đúng tiến độ được duyệt.

- Mọi biện pháp thi công trên công trường đều phải có biện pháp thi công đề xuất, được tư vấn giám sát chấp nhận trước khi thi công.

- Đối với các bộ phận của hạng mục công trình ngầm hoặc bị che khuất: trước khi thi công các phần tiếp theo, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn giám sát đến giám sát, kiểm tra và ký xác nhận chất lượng, khối lượng vào sổ nhật ký công trình.

### **11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:**

Giám sát về chất lượng: Thực hiện việc giám sát chất lượng công trình theo tiêu chuẩn Việt Nam và Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ. Thi công đúng thiết kế phê duyệt; bảo đảm sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt.

a) Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kỹ thuật giải pháp thi công của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các yêu cầu kỹ thuật quy định.

b) Trong quá trình thi công Nhà thầu phải thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng thi công. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của Nhà thầu phải được ghi chép vào sổ nhật ký thi công. Đối với các tài liệu cơ bản, tài liệu thí nghiệm, biên bản nghiệm thu... Nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu trữ cả ở công trường lẫn văn phòng của Nhà thầu để cán bộ Giám sát, Chủ đầu tư và bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời gian nào.

c) Cán bộ giám sát hoặc Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu xử lý, phá bỏ hoặc thi công lại các hạng mục công việc mà kết quả kiểm tra cho thấy không đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định. Trong trường hợp như vậy Nhà thầu phải gánh chịu mọi chi phí liên quan đến việc thi công lại, giám sát, thí nghiệm và các chi phí khác nảy sinh từ việc thi công lại của Nhà thầu.

d) Chủ đầu tư có quyền kiểm định lại vật tư, vật liệu và sản phẩm xây lắp theo qui định hiện hành:

- Vật liệu, thiết bị phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và xuất trình các giấy tờ liên quan về nguồn gốc, xuất xứ với giám sát trước khi nhập vào công trường. Trước khi đưa vật tư, vật liệu vào sử dụng phải được kiểm tra chất lượng theo quy định hiện hành.

- Các loại sản phẩm, thiết bị ở phần khuất trước khi lắp đặt hay đưa vào sử dụng phải trình mẫu cho Chủ đầu tư và giám sát xem, nếu đạt mới cho đơn vị thi công triển khai thi công hàng loạt (mẫu được lưu suốt trong quá trình thi công để làm cơ sở giám sát).

- Bên mời thầu (Chủ đầu tư) chấp thuận các thông số, chủng loại, thương hiệu vật tư do bên thiết kế đề xuất tại các bản vẽ, thuyết minh và được cung cấp cho nhà thầu. Nếu có yêu cầu nào khác nhau giữa thiết kế và Chủ đầu tư (bên mời thầu) thì lấy ý kiến của Chủ đầu tư (Bên mời thầu). Các loại vật tư phụ (ngoài vật tư chính và vật tư thứ yếu) đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng hoặc tiêu chuẩn cơ sở... Một số vật tư chưa đăng ký tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn cơ sở chỉ được đưa vào sử dụng khi có ý kiến thống nhất của Chủ đầu tư và tư vấn giám sát.

## **12. Các yêu cầu khác đối với nhà thầu:**

### **12.1. Các yêu cầu theo quy định pháp luật về xây dựng:**

- Nhà thầu thi công công trình xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình;

- Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan;

- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và yêu cầu đột xuất của chủ đầu tư;

- Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng xây dựng có thỏa thuận khác.

### **12.2. Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ.

- Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm.

- Tài liệu chứng minh: Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng:

+ Kết quả hoạt động tài chính của 03 năm gần nhất (2021, 2022 và 2023). Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện theo quy định

+ Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho năm tài chính 2023.

- Tài liệu chứng minh đối với các Hợp đồng tương tự:

+ Hợp đồng.

+ Các quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán hoặc quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành hoặc các văn bản pháp lý khác theo quy định của pháp luật thể hiện nội dung về quy mô và tính chất gói thầu.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng hoặc giấy xác nhận hoàn thành công trình.

+ Bảng quyết toán chi phí xây lắp hoặc bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng.

+ Hóa đơn tài chính.

- Tài liệu chứng minh các nhân sự chủ chốt bố trí cho gói thầu:

+ Bảng tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo..

+ Chứng chỉ hành nghề (nếu yêu cầu).

+ Các giấy chứng nhận huấn luyện còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu (nếu yêu cầu);

+ Thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể liên quan về hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu hoặc Quyết định bổ nhiệm các chức danh của các nhân sự chủ chốt tham gia gói thầu có xác nhận của chủ đầu tư.

+ Đối với chỉ huy trưởng: Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng có tên và chức danh tương ứng.

+ Đối với các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp: Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng hoặc biên bản giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng có tên và chức danh tương ứng.

+ Hợp đồng lao động hoặc đề nghị giao kết hợp đồng lao động.

+ Bản chụp công chứng nội dung chứng minh tính chất tương tự gói thầu về quy mô, tính chất của cán bộ chủ chốt và chức danh tương ứng đáp ứng yêu cầu kinh nghiệm của E-HSMT: Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán hoặc quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành hoặc các văn bản pháp lý khác theo quy định của pháp luật thể hiện nội dung về quy mô và tính chất gói thầu.

- Tài liệu chứng minh Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị và các dịch vụ liên quan:

+ Đối với mỗi loại vật tư, tùy theo yêu cầu cụ thể của pháp luật liên quan, nhà thầu đính kèm: Nhân mác (nếu có); Tài liệu quảng cáo, giới thiệu tính năng, công dụng, đặc tính, hướng dẫn sử dụng; Chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng; Tài liệu kỹ thuật, tài liệu chất lượng, chứng nhận hợp quy (nếu có), công bố hợp quy (nếu có) liên quan của vật tư thiết bị chào thầu; tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, của nhà cung ứng và của dịch vụ cung cấp cho gói thầu. Các tài liệu này nếu thể hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm bản dịch sang tiếng Việt.

- Tài liệu chứng minh thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với E-HSMT mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu:

+ Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng thuê thiết bị hợp lệ và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê.

+ Những thiết bị có yêu cầu về kiểm định an toàn, hiệu chuẩn độ chính xác thì phải đính kèm hồ sơ chứng nhận kiểm định an toàn, hiệu chỉnh độ chính xác còn hiệu lực được kiểm định bởi các tổ chức, các cá nhân đủ điều kiện theo quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Thông tin các máy, thiết bị được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được tổ chức, các cá nhân thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cập nhật phần mềm trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu.

+ Chỉ dẫn của nhà sản xuất về lắp đặt, thử nghiệm, sử dụng hoặc vận hành và bảo trì; chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận chất lượng hoặc kết quả thử nghiệm từ nhà sản xuất hoặc chứng nhận hợp chuẩn (nếu có); chứng nhận hợp quy theo QCVN (nếu có quy chuẩn), kiểm định định kỳ theo quy định (nếu có).

- Đối với thiết bị, nguyên liệu và vật tư sử dụng trong công trình theo danh mục yêu cầu tại Chương V đính kèm thông báo mời thầu:

+ Nhà thầu phải nêu rõ nhà sản xuất, nhãn hiệu, tên thương mại, xuất xứ, nhà cung cấp và kèm theo hình ảnh hoặc bản vẽ hoặc Cataloge, nhà sản xuất lắp ráp và năm sản xuất để chứng minh đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT.

+ Hàng hóa thực hiện đầy đủ các yêu cầu về nhãn mác hàng hóa theo quy định của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 Chính phủ.

+ Hàng hóa đáp ứng điều kiện đảm bảo chất lượng sản phẩm trong sản xuất trước khi đưa ra thị trường; đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa nhập khẩu (đối với hàng hóa nhập

khẩu) và đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

+ Hàng hóa gia công được nhà thầu kê khai đầy đủ danh mục chủng loại vật tư, vật liệu chính (vật liệu ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm) cấu thành sản phẩm.

+ Hàng hóa cung cấp cho gói thầu mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau; được cung cấp bởi nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và nhà cung cấp bảo đảm quyền sở hữu và quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với cấp và loại công trình đảm nhận, còn hiệu đến thời điểm đóng thầu.

### III. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
<b>I</b>	<b>YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI PHẦN XÂY LẬP (C)</b>		
1			
2			
...			
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI HÀNG HÓA (P)</b>		
1			
2			
...			

E-HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

Phương án thay thế: E-HSMT có thể quy định theo phương án nêu giá trị thông số bảo hành điển hình theo thiết kế và cho phép nhà thầu chào các thông số bảo hành dao động xung quanh giá trị này nhưng không vượt quá mức tối thiểu, mức tối đa nào đó (Ví dụ 5%).

### III. Các bản vẽ: Được Scan và đính kèm trên hệ thống

